

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 8910/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Các nội dung, mức chi không quy định tại Nghị quyết này, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng

8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

3. Các nghị quyết sau đây hết hiệu lực khi Nghị quyết này có hiệu lực:

a) Nghị quyết 82/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Nghị quyết số 141/2015/NQ-HĐND ngày 11 ngày 7 tháng 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Căn cứ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, nguồn đối ứng từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn lồng ghép khác, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ vốn cho từng nội dung hỗ trợ, phù hợp với kế hoạch thực hiện các chương trình, khả năng cân đối ngân sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: NN và PTNT, LĐTB và XH, KH và ĐT; TT và TT, TC (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH, Báo Lâm Đồng;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Tích hợp DL và chuyển đổi số tỉnh;
- TT Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận



QUY ĐỊNH

**Một số nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025**
(Kèm theo Nghị quyết số 141/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Thực hiện theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 103/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở:

a) Chi mua sắm, thiết lập mới đài truyền thanh xã:

- Danh mục thành phần thiết bị mua sắm: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Định mức tối đa đối với thiết bị phần cứng: 550.000.000 đồng/01 đài.

- Định mức đối với phần mềm: Chi theo mức giá thị trường, phù hợp với nguồn vốn được phân bổ và nhu cầu sử dụng của đơn vị.

b) Chi sửa chữa đài truyền thanh xã: Hỗ trợ tối đa là 70% so với định mức đầu tư mới.

c) Chi mua sắm thiết bị đối với đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện chưa có thiết bị kỹ thuật để số hóa sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện:

- Danh mục thành phần thiết bị mua sắm: Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 3 Thông tư 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hướng dẫn thực hiện nội

dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Định mức tối đa đối với thiết bị phân cứng: 150.000.000 đồng/01 đài.

- Định mức đối với phân mềm: Chi theo mức giá thị trường, phù hợp với nguồn vốn được phân bổ và nhu cầu sử dụng của đơn vị.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn:

a) Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch chung xây dựng xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng: Hỗ trợ tối đa 70%/mô hình được phê duyệt.

b) Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp điều kiện vùng miền: Hỗ trợ tối đa 70%/mô hình được phê duyệt.

c) Xây dựng thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp, thiết kế đơn giản, dễ xây dựng, sử dụng, vận hành: Hỗ trợ tối đa 70%/mô hình được phê duyệt.

d) Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương: Hỗ trợ tối đa 70%/mô hình được phê duyệt.

đ) Tuyên truyền vận động người dân cải tạo hệ thống thoát nước và áp dụng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế nước thải chưa được xử lý phát sinh ra môi trường: Hỗ trợ tối đa 70%/mô hình được phê duyệt.

4. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp:

a) Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã số vùng trồng cho các tổ chức cá nhân, mức chi tối đa 100 triệu đồng/mã số vùng trồng; mỗi tổ chức cá nhân chỉ được hỗ trợ gắn 01 mã số vùng trồng; các nội dung chi cụ thể gồm:

- Chi cho hoạt động tư vấn, hướng dẫn thực hiện gắn mã số vùng trồng cho các tổ chức, cá nhân: Tối đa 50 triệu đồng/mã số vùng trồng.

- Chi hoạt động giám sát các mã số vùng trồng của các tổ chức, cá nhân được cấp mã số: Tối đa 50 triệu đồng/mã số vùng trồng.

b) Chi hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh: Thực hiện theo điểm b, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết 109/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030.

5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp:

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết (bao gồm: tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường). Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/dự án liên kết.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết, bao gồm nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 5.000 triệu đồng/dự án liên kết.

c) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm: Ngoài phần hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết quy định tại điểm b khoản 5 Điều này, các bên tham gia liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng mô hình khuyến nông; đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông, chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã đang áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ 70% chi phí mua giống, bao bì, nhãn mác sản phẩm (bao gồm tem truy xuất nguồn gốc điện tử). Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm. Mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án liên kết.

- Hỗ trợ 40% chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật mới và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/dự án liên kết.

6. Chi quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đối với các dự án liên kết: Áp dụng Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế về xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhưng không quá 200 triệu đồng đối với 01 dự án/kế hoạch.

7. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại: Hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình/dự án.

8. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn:

a) Điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm.

b) Khôi phục, bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống:

- Đối với những làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền:

Hỗ trợ công tác bảo tồn, điều tra, xây dựng dự án: Hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/làng nghề.

Hỗ trợ đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng.

- Đối với những làng nghề truyền thống đang hoạt động có hiệu quả:

Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường; Hỗ trợ xây dựng đường giao thông, điện, nước sạch, hệ thống tiêu, thoát nước, các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm: Hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 200 triệu đồng/01 cơ sở.

Hỗ trợ nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, công cụ, dây chuyền sản xuất: mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí nhưng không quá 200 triệu đồng/01 cơ sở.

- Xúc tiến thương mại: Hỗ trợ 50% kinh phí cho các đơn vị tham gia nhưng không quá 50 triệu đồng/đơn vị (tham gia hội chợ nước ngoài); không quá 15 triệu đồng/đơn vị (tham gia hội chợ trong nước); Hỗ trợ hội chợ trong tỉnh, tổ chức các hội thi: Ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/kỳ hội chợ, kinh phí còn lại do các đơn vị tham gia đóng góp.

9. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới:

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm nông thôn mang đặc trưng vùng, miền:

- Hỗ trợ thiết kế, cải tạo lại cảnh quan kiến trúc và môi trường: Tối đa 150 triệu đồng/mô hình.

- Hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống: Thực hiện theo quy định tại mục Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn tại khoản 7 Điều 3 quy định kèm theo Nghị quyết này.

b) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững: Hỗ trợ tối đa tối đa 70% chi phí nhưng không quá 800 triệu đồng/mô hình.

10. Chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đối với nội dung chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ: 500.000 đồng/người/chương trình học.

11. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.
- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách.
- Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.
- Tủ sách tại thôn: 30 triệu đồng/tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ tối đa:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm.
- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 30 triệu đồng/01 năm.

12. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện mô hình, tối đa không quá 400 triệu đồng/mô hình để thực hiện các hạng mục đầu tư hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường; phân loại và xử lý chất thải sinh hoạt, nông nghiệp; chi phí mua cây giống trồng cây phân tán, cây cảnh quan.

13. Chi tổ chức các hoạt động, hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

14. Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”: Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình.

15. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”: Hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

16. Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng: Hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

Điều 4. Nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ: 500.000 đồng/người/chương trình học.

Điều 5. Nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

1. Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

a) Chi phí điều hành, quản lý: 3.000.000 đồng/năm/xã.

b) Chi phụ cấp cho người phục vụ: 0,5 mức lương cơ sở hiện hành/tháng.

2. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 3 quy định kèm theo Nghị quyết này./. ƯD